

QUYẾT ĐỊNH

Miễn, giảm học phí học kỳ I, năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT/QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế: tách Trường Đại học Y dược thành 2 trường Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Học viên, sinh viên – Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí Học kỳ I, năm học 2022-2023 cho 138 sinh viên (có danh sách kèm theo).

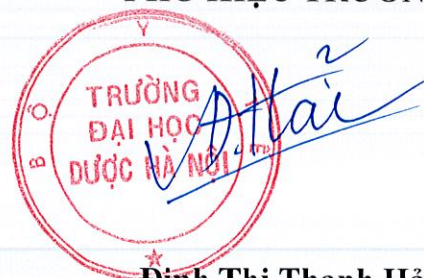
Điều 2. Việc miễn giảm học phí được thực hiện trong 05 tháng/Học kỳ.

Điều 3. Trưởng các phòng Quản lý sinh viên, Tài chính kế toán và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- ĐTN, HSV, Niêm yết;
- Lưu: VT, HVSV-YT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**


Đinh Thị Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Học kỳ I, năm học 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 942/QĐ-DHN ngày 27 tháng 9 năm 2023)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	Đối tượng
1	1901171	Hoàng Mạnh Hà	M1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
2	1901255	Trần Thủy Hoàng	N1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 51%
3	1901311	Nguyễn Thị Thanh Huyền	N1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
4	1901506	Phạm Đăng Hồng Ngọc	Q1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
5	1901760	Nguyễn Hải Tuấn	P1K74	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 36%
6	2001004	Phạm Thị Thúy An	O1K75	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
7	2001047	Vũ Lan Anh	N1K75	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 50%
8	2001082	Nguyễn Ngọc Chi	N1K75	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 35%
9	2001169	Hoàng Ngọc Hà	O1K75	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
10	2001573	Nguyễn Thị Phương Thảo	M1K75	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 65%
11	2101488	Giang Minh Nguyệt	A4K76	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
12	2201067	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	A1K77	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 33%
13	2201257	Vũ Thị Hà	A2K77	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 91%
14	2201655	Vũ Duy Phúc	A3K77	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
15	2201760	Nguyễn Phúc Thịnh	A4K77	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 42%
16	2281010	Nguyễn Trường Giang	S1K1	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 41%
17	2301051	Nguyễn Thị Ngọc Anh	A1K78	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
18	2301066	Phạm Văn Anh	A4K78	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
19	2301098	Nguyễn Thái Bình	A2K78	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 32%
20	2301148	Trần Thị Diệu	A4K78	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
21	2301235	Nguyễn Thị Minh Hạnh	A1K78	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 41%
22	2301440	Phạm Ngọc Mai	A1K78	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 31%
23	2301592	Nguyễn Nhật Quang	A3K78	Giảm 50% HP	Con người TNLD-BNN 48%
24	1901228	Lục Thị Hiếu	Q1K75	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
25	1901263	Đinh Thu Huệ	N1K74	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
26	1901389	Hà Thị Loan	P1K74	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
27	1901509	Phùng Thị Kim Ngọc	P1K74	Giảm 70% HP	DT Dao - VĐBKK
28	1901558	Nông Thị Thu Phương	P1K74	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
29	1901657	Trương Thị Hương Thảo	P1K74	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
30	1901699	Chung Thủy Tiên	Q1K74	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
31	1901730	Nguyễn Thị Huyền Trang	O1K74	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
32	1901740	Quan Thủy Trang	P1K74	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
33	2001089	Đinh Mạnh Chung	N1K75	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
34	2001093	Bàn Thị Cói	Q1K75	Giảm 70% HP	DT Dao - VĐBKK
35	2001110	Nguyễn Thị Hồng Diệp	P1K75	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	Đối tượng
36	2001151	Trần Mỹ Duyên	P1K75	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
37	2001194	Bùi Thị Diệu Hằng	O1K75	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
38	2001203	Trần Thu Hằng	Q1K75	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
39	2001254	Bùi Minh Hoàng	Q1K75	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
40	2001340	Lê Thị Yến Linh	P1K75	Giảm 70% HP	DT Thái - VĐBKK
41	2001670	Lê Thị Kiều Trinh	N1K75	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
42	2001716	Hà Tiểu Yến	O1K75	Giảm 70% HP	DT Thái - VĐBKK
43	2101320	Phạm Bảo Khánh	A4K76	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
44	2101571	Dương Thị Thanh Tâm	A1K76	Giảm 70% HP	DT Hoa - VĐBKK
45	2101708	Võ Thảo Vân	A2K76	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
46	2101717	Ma Thị Yếm	A1K76	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
47	2191009	Lê Minh Đức	H1K2	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
48	2201214	Triệu Thùy Dương	A1K77	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
49	2201278	Trần Thị Diễm Hạnh	A1K77	Giảm 70% HP	DT Thái - VĐBKK
50	2201429	Ngô Gia Lệ	A3K77	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
51	2201707	Hoàng Minh Sơn	A4K77	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
52	2201770	Hoàng Anh Thư	A2K77	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
53	2201804	Dương Quỳnh Trang	A1K77	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
54	2301188	Sầm Thanh Duyên	A1K78	Giảm 70% HP	DT Nùng - VĐBKK
55	2301234	Mai Diệu Hạnh	A1K78	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
56	2301264	Vì Thu Hoài	A2K78	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
57	2301486	Lê Thị Quỳnh Nga	A4K78	Giảm 70% HP	DT Tày - VĐBKK
58	2301524	Bùi Thị Ánh Nguyệt	A2K78	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
59	2301710	Bùi Thị Thu Trang	A1K78	Giảm 70% HP	DT Mường - VĐBKK
60	1801004	Vũ Thị Hải An	Q1K74	Miễn học phí	Con thương binh 25%
61	1801469	Nguyễn Thị Lê Na	O1K74	Miễn học phí	Con thương binh 41%
62	1901067	Hoàng Thái Bảo	Q1K74	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
63	1901071	Lương Thị Bích	P1K74	Miễn học phí	DT Tày - Hộ cận nghèo
64	1901078	Lê Thị Phương Chi	Q1K74	Miễn học phí	Con thương binh 31%
65	1901102	Phạm Quốc Đạt	Q1K74	Miễn học phí	Con bệnh binh 51%
66	1901150	Đỗ Thị Hồng Gấm	Q1K74	Miễn học phí	Con bệnh binh 62%
67	1901166	Trần Thị Thanh Giang	N1K74	Miễn học phí	Con thương binh 41%
68	1901233	Trần Văn Hiếu	P1K74	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
69	1901247	Dương Thế Hoàng	Q1K74	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ nghèo
70	1901284	Phí Mai Hương	Q1K74	Miễn học phí	Con bệnh binh 81%
71	1901289	Vương Thị Hường	Q1K74	Miễn học phí	DT Tày - Hộ nghèo
72	1901301	Cao Thị Hoàng Huyền	M1K74	Miễn học phí	Con bệnh binh 61%
73	1901318	Trần Thị Thanh Huyền	M1K74	Miễn học phí	Con thương binh 4/4
74	1901400	Lư Thị Luân	P1K74	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ cận nghèo
75	1901443	Bùi Nhật Minh	N1K74	Miễn học phí	Con thương binh 38%

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	Đối tượng
76	1901480	Bùi Thị Ngân	N1K74	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
77	1901518	Lương Thị Huyền Nhi	Q1K74	Miễn học phí	DT Thái - Hộ cận nghèo
78	1901597	Phạm Thị Xuân Quỳnh	N1K74	Miễn học phí	Con thương binh 33%
79	1901618	Hoàng Văn Thắng	Q1K74	Miễn học phí	DT Tây - Hộ nghèo
80	1901704	Thò Bá Tính	Q1K74	Miễn học phí	DT Mông - Hộ nghèo
81	2001003	Nguyễn Thị Thu An	Q1K75	Miễn học phí	Con thương binh 4/4
82	2001012	Đỗ Thị Kim Anh	N1K75	Miễn học phí	Con bệnh binh 51%
83	2001062	Nhâm Đức Bách	O1K75	Miễn học phí	Con bệnh binh 81%
84	2001097	Vũ Thị Kim Cúc	P1K75	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ cận nghèo
85	2001105	Nguyễn Hải Đăng	N1K75	Miễn học phí	Con bệnh binh 65%
86	2001115	Hoàng Thị Xuân Diệu	Q1K75	Miễn học phí	DT Tây - Hộ nghèo
87	2001155	Bùi Thị Giang	O1K75	Miễn học phí	Con bệnh binh 51%
88	2001182	Phạm Thu Hà	O1K75	Miễn học phí	Con thương binh 21%
89	2001200	Phạm Thị Minh Hằng	M1K75	Miễn học phí	Con thương binh 81%
90	2001205	Bùi Thị Hạnh	P1K75	Miễn học phí	DT Tây - Hộ cận nghèo
91	2001237	Đinh Hồ Đức Hiệu	Q1K75	Miễn học phí	Con thương binh 29%
92	2001263	Lý Thị Huệ	P1K75	Miễn học phí	DT Tây - Hộ cận nghèo
93	2001361	Trần Thị Thùy Linh	N1K75	Miễn học phí	Con thương binh 38%
94	2001471	Vàng Mùi Phạm	P1K75	Miễn học phí	DT Dao - Hộ cận nghèo
95	2001506	Hà Thị Lệ Quyên	P1K75	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
96	2001533	Hoàng Thị Tâm	Q1K75	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ nghèo
97	2001544	Bùi Thị Thân	O1K75	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
98	2001566	Hà Thị Phương Thảo	N1K75	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
99	2001591	Tô Vũ Thịnh	Q1K75	Miễn học phí	DT Tây - Hộ cận nghèo
100	2001611	Đào Thị Thương	O1K75	Miễn học phí	DT Cao Lan - Hộ cận nghèo
101	2001612	Kim Hoài Thương	O1K75	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
102	2001630	Bùi Thị Thu Trà	Q1K75	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
103	2101016	Lưu Trần Minh Anh	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 25%
104	2101099	Nguyễn Thành Đạt	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 36%
105	2101103	Hoàng Mùi Diên	A2K76	Miễn học phí	DT Dao - Hộ nghèo
106	2101308	Nguyễn Thị Thu Huyền	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 21%
107	2101327	Nguyễn Hữu Khoa	A2K76	Miễn học phí	Con bệnh binh 61%
108	2101340	Lương Thị Ngọc Lan	A4K76	Miễn học phí	Con thương binh 97%
109	2101343	Nguyễn Thạch Liên	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 25%
110	2101346	Tổng Thị Liên	A3K76	Miễn học phí	DT Sán Diu - Hộ cận nghèo
111	2101406	Nguyễn Thị Minh Lý	A4K76	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
112	2101548	Phạm Thị Quyên	A1K76	Miễn học phí	Con thương binh 15%
113	2101633	Vũ Thị Thùy	A2K76	Miễn học phí	Con thương binh 21%
114	2101634	Bế Thị Thủy	A2K76	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
115	2101636	Hồ Hương Thủy	A2K76	Miễn học phí	Con thương binh 26%

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Diện	Đối tượng
116	2101644	Bùi Phương Tinh	A3K76	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
117	2201037	Hoàng Trường Đức Anh	A3K77	Miễn học phí	Con thương binh 81%
118	2201042	Lê Thị Lan Anh	A4K77	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
119	2201164	Nguyễn Quốc Đạt	A1K77	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
120	2201188	Bùi Thị Thùy Dung	A3K77	Miễn học phí	DT Mường - Hộ cận nghèo
121	2201213	Quách Văn Dương	A3K77	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
122	2201277	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	A4K77	Miễn học phí	DT Mường - Hộ nghèo
123	2201283	Xã Thị Hồng Hậu	A1K77	Miễn học phí	DT Thái - Hộ cận nghèo
124	2201306	Lý Thị Hiếu	A2K77	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ cận nghèo
125	2201308	Lù Thị Hoa	A3K77	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ cận nghèo
126	2201311	Nông Hồng Hoa	A3K77	Miễn học phí	DT Tày - Hộ cận nghèo
127	2201313	Voọng Thị Hoa	A4K77	Miễn học phí	DT Thái - Hộ nghèo
128	2201347	Lê Phương Huệ	A1K77	Miễn học phí	Con thương binh 81%
129	2201380	Đặng Thị Huyền	A3K77	Miễn học phí	Con thương binh 43%
130	2201392	Nguyễn Thị Thu Huyền	A2K77	Miễn học phí	Con bệnh binh 45%
131	2201461	Nguyễn Thị Huyền Linh	A3K77	Miễn học phí	Con thương binh 37%
132	2201506	Vi Thị Nam Ly	A2K77	Miễn học phí	DT Thái - Hộ cận nghèo
133	2201864	Nguyễn Diệu Tuyết	A1K77	Miễn học phí	DT Tày - Hộ nghèo
134	2301304	Lê Khánh Huyền	A1K78	Miễn học phí	Con thương binh 34%
135	2301431	Hà Thị Phương Mai	A4K78	Miễn học phí	Con thương binh 1/8
136	2301541	Triệu Quỳnh Như	A4K78	Miễn học phí	DT Nùng - Hộ cận nghèo
137	2301569	Nguyễn Thị Hà Phương	A4K78	Miễn học phí	DT Thái - Hộ cận nghèo
138	2301669	Bùi Diễm Thanh Thư	A4K78	Miễn học phí	Con thương binh 24%

Danh sách có 138 sinh viên./.

UW